

Số: 46 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,  
công chức Nhà nước của Thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Quyết định số 40/2006/QĐ-TTg ngày 15/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 11/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003-2010;

Căn cứ Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

Xét Tờ trình liên ngành số 697/LN STC – SNV-BTCTU ngày 18/9/2008 của liên ngành Sở Tài chính - Sở Nội vụ - Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội và báo cáo thẩm định số 112/STP-VBPQ ngày 04/9/2008 của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này bản “Quy định quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước của Thành phố Hà Nội”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/2006/QĐ-UBND ngày 12/5/2006 của UBND Thành phố Hà Nội (cũ); các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước UBND Tỉnh Hà Tây trước đây trái với các quy định kèm theo Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thành phố trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- TT Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Các Ban của Thành ủy, HĐND TP;
- Như điều 3;
- CPVP, Công báo UBND TP
- Các phòng CV – VPUBND TP;
- Lưu: Văn thư.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN,  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Thảo**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước  
của Thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của  
UBND Thành phố Hà Nội)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng:**

1. Cán bộ, công chức hành chính, công chức dự bị, hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở Thành phố; quận, huyện và thành phố trực thuộc (sau đây gọi chung là quận, huyện).

2. Cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Cán bộ chuyên trách, công chức xã, phường, thị trấn.

5. Cán bộ không chuyên trách cấp xã; cán bộ thôn, làng, bản ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn.

6. Luật sư, cán bộ quản lý doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng theo quy định tại khoản 2 mục I Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003-2010, khi các học viên này tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập, kinh tế quốc tế chuyên sâu do các cơ quan nhà nước tổ chức đào tạo ở trong nước.

7. Đảng viên không phải là cán bộ công chức được cử đi học các lớp bồi dưỡng của đảng, sơ cấp, trung cấp, cao cấp lý luận chính trị theo quy định.

8. Các đối tượng đào tạo bồi dưỡng khác theo yêu cầu của Thành phố, quận, huyện.

Dưới đây gọi chung là cán bộ, công chức nhà nước (CBCCNN).

9. Đối với các học viên là cán bộ, công chức của các cơ quan Trung ương, địa phương khác, các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế không thuộc đối tượng đào tạo, bồi dưỡng thuộc khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 điều này phải nộp chi phí đào tạo, mức chi phí theo dự toán kinh phí của từng lớp đào tạo, bồi dưỡng.

**Điều 2. Phạm vi sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN từ nguồn ngân sách**

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN được bố trí hàng năm trong dự toán giao đầu năm cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, ngân sách quận, huyện theo phân cấp quản lý.

Không sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN được giao để đào tạo, bồi dưỡng CBCC không thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN không thuộc phạm vi quản lý.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý cấp Thành phố, quận, huyện (bao gồm đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp tại cơ sở và cử đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo khác) được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, ngoại ngữ, tin học, hội nhập kinh tế quốc tế, tiếng dân tộc...(bao gồm cả tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý) cho các đối tượng CBCCNN tại Điều 1 của quy định này..

3. Tùy theo khả năng bố trí kinh phí và nhu cầu đào tạo CBCC của mình, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN để hỗ trợ một phần chi phí (học phí, mua giáo trình) cho đối tượng là CBCCNN được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học đại học (và tương đương), sau đại học (và tương đương). Số kinh phí dành cho việc hỗ trợ này tối đa không quá 10% tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN được giao hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Không sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC để chi cho bộ máy quản lý công tác đào tạo của các cơ sở đào tạo; không dùng để chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBCC. Kinh phí bảo đảm hoạt động bộ máy của các Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN do ngân sách các cấp đảm bảo từ kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước hoặc từ lĩnh vực sự nghiệp giáo dục đào tạo đối với cơ sở đào tạo theo phân cấp quản lý.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Nội dung chi, mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC ở trong nước do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN thực hiện**

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng bố trí kinh phí, Thủ trưởng các cơ sở đào tạo quyết định các mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt trần tối đa được quy định dưới đây; đồng thời phải bảo đảm sắp xếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể như sau:

1. Chi thù lao giảng viên; chi phí cho việc đi lại, bố trí nơi ở cho giảng viên (một buổi giảng được tính gồm 4 tiết):

Tùy theo đối tượng, trình độ học viên mà các cơ sở đào tạo bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp. Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả việc soạn giáo án bài giảng, tiền ăn giảng viên) theo quy định sau:

a. Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên TW Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND cấp Thành phố, Chủ tịch UBND cấp thành phố và tương đương, mức tối đa không quá: 500.000 đồng/buổi.

b. Giảng viên, báo cáo viên cấp Cục, Vụ, Viện, giáo sư, phó giáo sư, chuyên viên cao cấp, Thành ủy viên, trưởng các Sở, Ban, ngành cấp thành phố và tương đương, mức tối đa không quá: 400.000 đồng/buổi.

c. Giảng viên, báo cáo viên là tiến sỹ khoa học, tiến sỹ; chuyên viên chính; phó các Sở, Ban, ngành cấp thành phố và tương đương, mức tối đa không quá: 300.000 đồng/buổi.

d. Giảng viên, báo cáo viên là chuyên viên; giảng viên, báo cáo viên cấp quận, huyện và tương đương, mức tối đa không quá: 200.000 đồng/buổi.

e. Giảng viên, báo cáo viên cấp xã, phường, thị trấn mức tối đa không quá: 120.000 đồng/buổi.

f. Trong trường hợp việc học tập và giảng dạy cần phải tiến hành theo phương pháp mới, tài liệu giảng dạy thuộc loại chuyên môn sâu, đòi hỏi nhiều kinh nghiệm thực tế, ngoài mức chi thù lao giảng viên theo quy định nêu trên, căn cứ yêu cầu chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo trình cấp có thẩm quyền quyết định trả tiền chuẩn bị tài liệu riêng theo hình thức hợp đồng công việc khoán gọn.

g. Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Thành phố, quận, huyện hưởng lương giáo viên, số giờ giảng vượt định mức được thanh toán phụ cấp giảng bài theo quy định về chế độ giảng vượt giờ đối với giảng viên các trường trung cấp chuyên nghiệp, không trả theo mức trên khi tham gia giảng dạy các lớp học do cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho các trường thực hiện; nhưng khi được mời giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định nêu trên.

h. Đối với giảng viên nước ngoài, tùy theo mức độ cần thiết, các cơ quan đơn vị trình cấp có thẩm quyền quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ quan, đơn vị thỏa thuận với giảng viên, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị.

i. Chi thuê phiên dịch nội dung bài giảng của giảng viên nước ngoài, áp dụng theo mức chi quy định tại điểm g khoản 1 mục I Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và văn bản của Thành phố (nếu có).

k. Chi phí thuê phương tiện đi lại, thuê chỗ nghỉ cho giảng viên trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê, áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản của Thành phố (nếu có).

2. Chi tài liệu học tập cho học viên:

Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối kinh phí, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định áp dụng hình thức cho học viên mượn (có thu hồi) hoặc phát cho học viên (không thu hồi).

3. Hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian học tập trung;

a. Áp dụng mức 25.000 đồng/1 học viên/1 ngày học đối với cấp thành phố.

b. Áp dụng mức 15.000 đồng/1 học viên/1 ngày học đối với thành phố trực thuộc và cấp quận, huyện, cấp xã, phường, thị trấn.

4. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi:

Thực hiện theo quy định về mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch số 49/2007/TTLT/BTC-BGDDT ngày 18/5/2007 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

5. Chi tổ chức lớp học:

a. Các khoản chi phí theo thực tế, gồm:

Chi thuê hội trường hoặc phòng học (đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không có trụ sở); Chi thuê dụng cụ phục vụ giảng dạy như đèn chiếu, máy vi tính....; Chi nước uống phục vụ lớp học; Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ lớp học; Chi tiền điện, tiền nước, tiền phục vụ, trông xe; Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên; Chi phục vụ khai giảng, bế giảng; cấp chứng chỉ, khen thưởng học viên.

b. Chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo trong trường hợp phải tổ chức lớp ở xa cơ sở đào tạo, áp dụng mức chi không quá mức quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính và văn bản của Thành phố (nếu có).

c. Đối với cơ sở đào tạo đã được ngân sách đầu tư xây dựng phòng nghỉ cho học viên, phải khai thác cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo nơi nghỉ cho học viên ở xa.

6. Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế: Căn cứ vào nội dung chương trình lớp học đã được phê duyệt, thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế, kinh phí hỗ trợ trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của lớp học đã được giao.

a. Nội dung hỗ trợ: Tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế; Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế.

b. Mức hỗ trợ: Tối đa không vượt mức quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản của Thành phố (nếu có).

7. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN nhưng không có cơ sở đào tạo, không có điều kiện tự tổ chức lớp phải cử CBCC đi đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo khác thì cơ quan, đơn vị thanh toán cho các cơ sở đào tạo các khoản:

a. Chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo hoá đơn thu tiền của cơ sở đào tạo hoặc theo hợp đồng dịch vụ do cấp có thẩm quyền ký kết với cơ sở đào tạo.

b. Chi phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

c. Hỗ trợ tiền ăn cho học viên trong những ngày đi học tập trung theo mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của quy định này.

8. Chi biên soạn chương trình, giáo trình: Do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình; tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ chi từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN được giao hàng năm. Tuỳ theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà các cơ quan, đơn vị quyết định phù hợp trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 4. Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử CBCC đi học ở trong nước thực hiện:**

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi học, sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCC được cử đi học các khoản sau đây:

1. Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, tết)

2. Thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Các khoản chi trên không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007.

#### **Điều 5. Nội dung chi, mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC ở nước ngoài**

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN ở nước ngoài được giao trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi phí dịch vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết;

2. Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài theo các hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết, gồm:

a. Chi phí dịch vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết.

b. Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài: Theo các hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

3. Chi phí mua bảo hiểm y tế trong thời gian học tập ở nước ngoài (nếu có yêu cầu bắt buộc của nước sở tại): Theo mức bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh học nước ngoài ở nước sở tại.

4. Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: Thực hiện theo Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước và các văn bản của Thành phố (nếu có).

5. Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: Khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài tính theo chi phí thực tế phát sinh.

6. Chi phí ăn, ở, đi lại, lệ phí sân bay: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

7. Chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa): Theo quy định

#### **Điều 6. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán**

1. Lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC ở trong nước: Việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, lập dự toán chi đào tạo, và giao chỉ tiêu, dự toán bồi dưỡng CBCC phải được thực hiện cùng với thời điểm xây dựng, giao chỉ tiêu kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Thành phố và quận, huyện.

Căn cứ hướng dẫn về xây dựng chỉ tiêu kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách hàng năm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCNN thuộc phạm vi quản lý của mình; nội dung, mức chi quy định cụ thể tại Điều 3 quy định này.

a. Cấp Thành phố:

a.1. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN (gồm chỉ tiêu đào tạo, lập dự toán chi tiết từng lớp) gửi về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy (đối với các lớp do Ban Tổ chức Thành ủy quản lý), Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời tổng hợp chung vào dự toán thu chi ngân sách năm kế hoạch của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Nội dung Kế hoạch gồm 2 phần:

Phần 1: Chỉ tiêu đào tạo, dự toán chi tiết của các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyển tiếp từ năm trước sang năm kế hoạch do cơ quan, đơn vị được giao tự tổ chức thực hiện; Chỉ tiêu đào tạo, dự toán chi tiết của các lớp mở mới năm kế hoạch cơ quan đơn vị đề nghị được tự tổ chức thực hiện.

Phần 2: Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN đề nghị Thành phố tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp.

a.2. Liên ngành Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN của các sở, ban, ngành, đoàn thể, quận, huyện đề nghị; thông báo chỉ tiêu (hướng dẫn) cho các cơ sở đào tạo bồi dưỡng của Thành phố, làm căn cứ cho các cơ sở đào tạo bồi dưỡng lập dự toán chi tiết kinh phí đào tạo bồi dưỡng của năm kế hoạch.

a.3. Các cơ sở đào tạo bồi dưỡng của Thành phố: Lập dự toán chi tiết đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN theo chỉ tiêu được thông báo gửi về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm: các lớp đào tạo, bồi dưỡng, chuyển tiếp từ năm trước sang năm kế hoạch do cơ sở chủ trì tổ chức; các lớp đào tạo, bồi dưỡng mở mới năm kế hoạch).

a.4. Liên ngành Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách Thành phố, liên ngành rà soát, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng, dự toán kinh phí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng của Thành phố cùng với giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

*(Chi tiết theo biểu 1, biểu 3 đính kèm)*

b. Cấp quận, huyện:

b.1. Phòng Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức quận, huyện ủy và Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện hướng dẫn rà soát, đánh giá, tổng hợp xây dựng báo cáo quận, huyện ủy, UBND quận, huyện phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN năm kế hoạch. Nội dung kế hoạch chia làm 2 phần:

Phần 1: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN mở tại quận huyện theo phân cấp (nguồn kinh phí ngân sách quận, huyện), bao gồm: Các lớp chuyển tiếp từ năm trước sang năm kế hoạch do quận, huyện tổ chức; Các lớp mở mới năm kế hoạch.

Phần 2: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN đề nghị Thành phố tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp (gồm chỉ tiêu, nội dung kiến thức cần đào tạo)

b.2. UBND quận, huyện báo cáo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN năm kế hoạch về Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

Đồng thời thông báo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN đối với các lớp mở tại quận, huyện (phần 1 của Kế hoạch) cho Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện làm cơ sở cho Trung tâm lập dự toán kinh phí các lớp theo quy định.

b.3. Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện lập và gửi dự toán kinh phí các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN mở tại quận, huyện gửi Phòng Nội vụ, Ban Tổ chức quận, huyện ủy, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Căn cứ khả năng ngân sách quận, huyện, Phòng Nội vụ, Ban Tổ chức quận, huyện ủy, Phòng Tài chính – Kế hoạch thống nhất báo cáo UBND quận, huyện trình HĐND quận, huyện quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, dự toán kinh phí các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN cho Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện cùng với giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

*(Chi tiết theo biểu 2, biểu 3 đính kèm)*



## 2. Lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCN ở nước ngoài:

a. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch cử CBCCNN đi đào tạo ở nước ngoài của các sở, ban, ngành, đoàn thể, quận, huyện; Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN ở nước ngoài, gửi Sở Tài chính kèm theo dự toán chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ở nước ngoài trong năm theo những tiêu chí sau:

- + Cơ quan chủ trì tổ chức các đoàn đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài;
- + Đối tượng CBCCNN dự kiến cử đi đào tạo;
- + Thời gian học tập tại nước ngoài;
- + Cơ sở đào tạo được cử đến đào tạo;
- + Kinh phí dự kiến cho từng đoàn;
- + Tổng kinh phí cho đào tạo CBCCNN ở nước ngoài;

b. Căn cứ kế hoạch của Sở Nội vụ lập và khả năng của Ngân sách Thành phố, Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng, dự toán kinh phí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng của Thành phố cùng với giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

## 3. Phân bổ dự toán:

a. Sở Tài chính thẩm tra phương án phân bổ dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN cho các sở, ban, ngành, đoàn thể và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Thành phố thực hiện theo dự toán được UBND Thành phố giao.

b. Phòng Tài chính – Kế hoạch quận, huyện thẩm tra phương án phân bổ dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN cho các đơn vị, trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện theo dự toán được UBND quận, huyện giao.

## 4. Quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán:

a. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN ở trong nước được thực hiện theo qui định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

b. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN ở nước ngoài được thực hiện như quy định đối với các khoản chi bằng ngoại tệ được thực hiện theo dự toán năm (hình thức rút dự toán) tính bằng đồng Việt Nam cho các đoàn đi công tác nước ngoài tại Thông tư số 97/2004/TT-BTC ngày 13/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, chi trả, thanh toán các khoản chi Ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ qua Kho bạc nhà nước;

c. Cuối năm quyết toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCNN được tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị và báo cáo tổng quyết toán của ngân sách Thành phố, ngân sách quận, huyện.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Hàng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể, quận, huyện có trách nhiệm thực hiện các quy định kèm theo Quyết định này; tổng hợp và gửi báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC nhà nước về Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thành ủy, UBND Thành phố.

Riêng năm 2008, các sở, ban, ngành, đoàn thể, quận, huyện và các cơ quan có liên quan chủ động sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách năm 2008 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCC nhà nước đã thực hiện theo kế hoạch được giao năm 2008 thì căn cứ quy định tại Quyết định này và chứng từ chi tiêu thực tế hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nội vụ để nghiên cứu giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Nguyễn Thế Thảo**